TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/5/2023.
V/v: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Trúc.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Ngư.
Ông Lê Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Danh Tuyết H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Đ, thị trấn E, huyện S, tỉnh An Giang.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10/5/2023).

- *Bị đơn:* Anh Lý L, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 27/01/2023 nguyên đơn chị Danh Tuyết H trình bày:

Chị và anh L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện S, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/10/2016; thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống chung từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Chị và anh L có 01 con chung tên Danh Ngọc Đ, sinh ngày 27/3/2015; tài sản chung, nợ chung không có.

Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh L; chị yêu cầu xin nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lý L:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Danh Tuyết H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/5/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn Lý L đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Lý L và chị Danh Tuyết H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện S, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/10/2016 là phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống chung từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Trong đơn khởi kiện chị H cương quyết ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên Danh Ngọc Đ, sinh ngày 27/3/2015; con hiện nay sống với chị H.

Xét thấy, Tại biên bản ghi nhận ý kiến con ngày 01/3/2023 cháu Danh Ngọc Đ xin được sống chung với chị H, hơn nữa từ khi chị H và anh L không còn sống chung, cháu Đ được chị H chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo và trong quá trình thụ lý đến nay anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con; nên tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng đến trưởng thành theo khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh Linh theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Danh Tuyết H và anh Lý L.

- Về con chung: Giao con chung tên Danh Ngọc Đ, sinh ngày 27/3/2015 cho chị H nuôi dưỡng đến trưởng thành; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh L.

Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0005783 ngày 27/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND TT E, huyện S, AG
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Trúc